

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /2023/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định việc Quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao
thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của
Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày
24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ
tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày
24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ
tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị
định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về
quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải
hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24
tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ
tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số*

50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 342/TTr-SGTVT ngày 10 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định việc Quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và thay thế Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về ban hành Quy định việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp;
- TT/TU; TT/HĐND Tỉnh;
- TT/UBND Tỉnh;
- UBMTTQVN và các Ban đảng đoàn thể Tỉnh;
- CT, Các PCT/UBND Tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài Tỉnh; Công báo Tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT+NC/ĐTXD (Tùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*(Kèm theo Quyết định số 21 /2023/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 4 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đường tỉnh, đường huyện, đường xã) trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Phân cấp quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh.

1. Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh và đường đô thị trùng với đường tỉnh (*trừ hệ thống hạ tầng kỹ thuật nằm trong phạm vi vỉa hè, dải phân cách được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý*).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường huyện, các tuyến đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý và các trường hợp khác do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giao quản lý (*trừ Khoản 1, Điều 3 quy định này*).

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối các tuyến đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn được phân cấp quản lý.

Chương II

**SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**Điều 4. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa
bàn tỉnh**

1. Đất của đường bộ được quy định tại Điều 3 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

2. Hành lang an toàn đường bộ được quy định tại Điều 4 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Xác định phạm vi đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ được quy định tại Điều 5 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ được quy định tại Khoản 1, Điều 1 của Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

5. Khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang và chiều sâu đối với công trình thiết yếu được quy định tại Điều 7 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Khoản 2, Điều 1 của Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

6. Công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ được quy định tại Điều 9 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 5. Phạm vi đất dành cho đường bộ (lộ giới) của các tuyến đường trên địa bàn tỉnh

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ của các tuyến đường trên địa bàn tỉnh được quy định như sau:

a) Các tuyến đường bộ quy hoạch cấp III đồng bằng, phạm vi đất dành cho đường bộ là 48m, tính từ tim đường trở ra mỗi bên là 24m.

b) Các tuyến đường bộ quy hoạch cấp IV đồng bằng, phạm vi đất dành cho đường bộ là 36m, tính từ tim đường trở ra mỗi bên là 18m.

c) Các tuyến đường bộ quy hoạch cấp V đồng bằng, phạm vi đất dành cho đường bộ là 34m, tính từ tim đường trở ra mỗi bên là 17m.

d) Đối với các tuyến đường bộ quy hoạch thấp hơn cấp V, phạm vi đất dành cho đường bộ là 24m, tính từ tim đường trở ra mỗi bên là 12m.

đ) Các tuyến đường thuộc xã, đường liên ấp và các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại không nằm trong quy hoạch được duyệt thì giới hạn hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ tính từ tim đường tối thiểu bằng 1,5 lần chiều rộng nền đường.

2. Các cơ quan quản lý đường bộ khi xác định bề rộng hành lang an toàn đối với cầu, cống, hầm đường bộ, bến phà, cầu phao và kè bảo vệ đường bộ thực hiện theo Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Khoản 3, Điều 1 của Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

3. Đối với các đoạn đường, tuyến đường qua khu vực đô thị, khu vực tuyến dân cư, khu vực cụm tuyến công nghiệp đã có quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì giới hạn hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh

1. Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Điều 10

của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

2. Đường gom phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ; đường gom được xây dựng theo hướng sử dụng cho một hoặc nhiều dự án liền kề.

Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, có thể xem xét cho phép một phần đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ, nhưng phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận khi lập dự án.

Điều 7. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh

Việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

Điều 8. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh

1. Chủ đầu tư công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Quy định này để được xem xét giải quyết.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu, thời hạn giải quyết thực hiện theo khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

4. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu có giá trị theo khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

Điều 9. Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang thay khác

1. Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản đã được chấp thuận.

b) Gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan đã chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu để được cấp giấy phép thi công.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu, thời hạn giải quyết thực hiện theo khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

4. Chủ đầu tư công trình thiết yếu chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ.

5. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu.

6. Chủ đầu tư công trình thiết yếu nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật công trình thiết yếu vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

7. Chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công, nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông do việc thực hiện bảo dưỡng công trình thiết yếu gây ra; đồng thời, thông báo kế hoạch thực hiện công tác bảo trì đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền và trên địa bàn tỉnh trước khi thực hiện. Khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 10. Chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn tỉnh

1. Việc xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Quy định này xem xét chấp thuận, cấp phép.

2. Tổ chức, cá nhân được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo được tính như sau:

a) Các tuyến đường bộ quy hoạch cấp III đồng bằng, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ tim đường bộ trở ra 11,0m (cọc đất của đường bộ) đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 16,0m (mười sáu mét).

b) Các tuyến đường bộ quy hoạch cấp IV đồng bằng, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ tim đường bộ trở ra 9,0m (cọc đất của đường bộ) đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối

thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 14,0m (mười bốn mét).

c) Các tuyến đường bộ quy hoạch cấp V đồng bằng, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ tim đường bộ trở ra 8,0m (cọc đất của đường bộ) đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 13,0m (mười ba mét).

d) Đối với các tuyến đường bộ quy hoạch thấp hơn cấp V, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ tim đường bộ trở ra 7,0m (cọc đất của đường bộ) đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 12,0m (mười hai mét).

4. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 3 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời hạn giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng hoặc cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời thực hiện như đối với công trình thiết yếu được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quy định này.

Điều 11. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên địa bàn tỉnh đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (*trừ các dự án do Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân Huyện, cơ quan chủ quản là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư*), Chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Quy định này để được xem xét, giải quyết.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Quy định này cấp giấy phép thi công. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công, thời hạn giải quyết thực hiện theo Khoản 3, Khoản 5 Điều 18 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

4. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đối với hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh đang khai thác do các cơ quan quản lý đường bộ là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công, nhưng trước khi thi công, Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ,

gồm: Quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

5. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công, nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Chương III

ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 12. Đầu nối đường nhánh vào đường bộ trên địa bàn tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường bộ trên địa bàn tỉnh bao gồm:

- a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường giao thông nông thôn;
- b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, trạm dừng nghỉ;
- c) Đường ra, vào bến xe, bãi đậu xe;
- d) Đường lên, xuống bến phà, bến khách ngang sông;

đ) Đường chuyên dùng: đường lâm nghiệp, đường ra, vào bãi bến vật liệu xây dựng, đường ra, vào cơ sở sản xuất kinh doanh cơ sở dịch vụ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, khu (cụm, tuyến) dân cư, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ khác;

e) Đường gom, đường nối từ đường gom, đường gom nối đường nội bộ của dự án.

2. Việc đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường đô thị trùng với đường tỉnh, đường huyện, đường xã phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

3. Khi quy hoạch khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác ngoài đô thị phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và đầu nối vào đường bộ phải thông qua đường gom, đường nhánh. Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị, vị trí đầu nối vào đường tỉnh, đường đô thị trùng với đường tỉnh, đường huyện, đường xã thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh: Ủy ban nhân dân huyện chủ động xây dựng quy hoạch các điểm đầu nối; trước khi trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt phải có văn bản thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh. Trường hợp điểm đầu nối vào đường tỉnh chưa có trong quy hoạch được duyệt, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận kiểm tra, khảo sát, đề xuất chấp thuận từng vị trí nút giao cụ thể với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Riêng các điểm đầu nối vào đường tỉnh đối với các công trình trọng điểm được Ủy ban nhân dân Tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư thì không thực hiện nội dung này.

5. Đầu nối đường nhánh vào đường huyện, đường xã: Đường nhánh đầu nối vào đường huyện, đường xã trước khi xây dựng phải có văn bản đề nghị và phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.

6. Cao độ đường ra, vào và mặt bằng xây dựng của các công trình được quy định tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo thoát nước trong khu vực hoặc thấp hơn cao độ mặt đường chính (không được để nước chảy trực tiếp ra mặt đường chính gây hư hỏng mặt đường).

7. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng và phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Điều 13. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối đường nhánh vào đường bộ trên địa bàn tỉnh

1. Chủ công trình, dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao vào hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Quy định này để được xem xét, giải quyết.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường bộ trên địa bàn tỉnh, thời hạn giải quyết thực hiện theo Khoản 3, Khoản 5 Điều 26 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào đường bộ trên địa bàn tỉnh đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân Huyện hoặc cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế mà chỉ thực hiện bước thỏa thuận phương án tổ chức giao thông tại nút giao đầu nối.

5. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 12 tháng, chủ công trình, dự án làm đơn đề nghị gia hạn. Thủ tục gia hạn như quy định đối với việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

Điều 14. Cấp phép thi công nút giao đầu nối đường nhánh vào đường bộ trên địa bàn tỉnh

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư hoặc chủ

sử dụng nút giao phải thực hiện các thủ tục dưới đây để đảm bảo công trình nút giao được triển khai thi công:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông theo ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

b) Gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ trên địa bàn tỉnh, thời hạn giải quyết thực hiện theo Điều 27 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 15. Đầu nối tạm thời có thời hạn vào đường bộ trên địa bàn tỉnh đang khai thác

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển vật liệu, thiết bị máy móc; hết thời hạn đầu nối tạm thời sẽ hoàn trả hiện trạng ban đầu của hành lang an toàn đường bộ.

2. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm thời bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm thời không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm thời và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như hiện trạng ban đầu.

Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng đầu nối tạm thời thực hiện theo Khoản 3, Điều 28 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Việc chấp thuận thiết kế, cấp giấy phép thi công điểm đầu nối tạm thời thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Quy định này.

Điều 16. Đảm bảo giao thông và an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

Trong thời gian thi công, đơn vị thi công phải thực hiện đúng các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo phương án đã được chấp thuận hoặc cấp phép, đồng thời thực hiện theo quy định tại Chương VI của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Chương IV

QUẢN LÝ PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 17. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ

1. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo Khoản 5, Khoản 6, Điều 29 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

2. Các cửa hàng xăng dầu đã đấu nối vào đường bộ trên địa bàn tỉnh

a) Đối với đường dẫn ra, vào các cửa hàng xăng dầu đã xây dựng đấu nối vào đường bộ nhưng không có phép của cơ quan quản lý đường bộ, hiện vẫn đang tồn tại và hoạt động, nếu không ảnh hưởng đến chất lượng công trình giao thông, không ảnh hưởng đến an toàn giao thông thì được xem xét chấp thuận cho tồn tại đấu nối vào đường bộ đến hết ngày 31/12/2025.

Trường hợp đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu không đảm bảo an toàn giao thông, ảnh hưởng đến chất lượng công trình đường bộ, thì chủ công trình cửa hàng xăng dầu phải thực hiện thiết kế, thi công cải tạo xây dựng đoạn đường dẫn của cửa hàng và nút giao đấu nối theo quy định của cơ quan quản lý đường bộ.

b) Các cửa hàng xăng dầu xây dựng tự phát, đấu nối trái phép vào đường bộ hoặc nằm trong hành lang an toàn đường bộ, quy mô không bảo đảm, hiện đang tồn tại dọc hai bên đường, cho phép tồn tại và giữ nguyên hiện trạng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025; Sở Giao thông vận tải phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đường ra, vào bãi bến vật liệu xây dựng, đường ra, vào cơ sở sản xuất kinh doanh cơ sở dịch vụ, đường khu công nghiệp, khu (cụm, tuyến) dân cư, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ khác, đường phục vụ thi công đã đấu nối vào đường bộ, nhưng chưa có văn bản chấp thuận hoặc giấy phép của cơ quan quản lý đường bộ theo quy định tại Điều 3 Quy định này:

a) Trường hợp công trình không ảnh hưởng đến chất lượng công trình giao thông, không ảnh hưởng đến an toàn giao thông, đồng thời không làm ảnh hưởng đến quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của trên địa bàn tỉnh, thì được xem xét chấp thuận cho tồn tại điểm đấu nối.

Trường hợp công trình không đảm bảo an toàn giao thông, ảnh hưởng đến chất lượng công trình đường bộ, thì chủ công trình phải thực hiện thiết kế, thi công cải tạo xây dựng đoạn đường dẫn và nút giao đấu nối theo quy định của cơ quan quản lý đường bộ; Khi có quy hoạch đấu nối được cấp thẩm quyền phê duyệt, phải thực hiện đúng theo quy hoạch được phê duyệt.

b) Các công trình xây dựng tự phát, đấu nối trái phép vào đường bộ hoặc nằm trong hành lang an toàn đường bộ, quy mô không bảo đảm, hiện đang tồn tại dọc hai bên đường bộ; Sở Giao thông vận tải phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Công trình phụ trợ phục vụ nhu cầu sinh hoạt nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (hàng rào, mái che, các công trình khác...) đã tồn tại trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh từ trước ngày 30 tháng 8 năm 2012 (ngày có hiệu lực thi hành Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh), cách giải quyết như sau:

a) Đối với công trình có mép ngoài cùng của công trình cách vai đường hiện hữu một khoảng cách từ 5m trở lên, nếu không ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, thì tạm thời được tồn tại; người chủ sử dụng công trình phải ký cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường bộ về việc không coi nới, mở rộng về phía đường bộ và chấp hành việc tháo dỡ di dời khi ngành đường bộ yêu cầu.

Trường hợp công trình hoặc hạng mục công trình có ảnh hưởng đến chất lượng công trình đường bộ hoặc ảnh hưởng đến an toàn giao thông (che khuất tầm nhìn xe chạy), thì đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ phải khảo sát thống kê đánh giá mức độ ảnh hưởng, báo cáo đề xuất cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác giải tỏa theo quy định.

b) Đối với công trình hoặc hạng mục công trình không đảm bảo khoảng cách theo điểm a khoản này (khoảng cách từ mép ngoài cùng của công trình đến vai đường hiện hữu nhỏ hơn 5m), thì phải tiến hành giải tỏa để đảm bảo an toàn giao thông, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ theo phân cấp, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xác định phạm vi giải tỏa, thực hiện giải tỏa theo quy định của pháp luật.

5. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công ích, công cộng, đã tồn tại trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từ trước ngày 30 tháng 8 năm 2012 (ngày có hiệu lực thi hành Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh), cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tiến hành khảo sát thống kê, xác định mức độ ảnh hưởng, nếu xét thấy không đảm bảo an toàn giao thông, hoặc ảnh hưởng đến chất lượng công trình đường bộ, thì đề nghị chủ công trình hoặc cơ quan chức năng tiến hành giải tỏa theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ hoặc chủ đầu tư đối với đường đang triển khai dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ hoặc chủ đầu tư đối với đường đang triển khai dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng kế hoạch và biện pháp xử lý các vi phạm hành lang an toàn đường bộ chưa được xử lý, giải quyết triệt để, đồng thời giám sát không để tái lần chiếm trở lại.

2. Báo cáo kết quả và những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về Ủy ban nhân dân Tỉnh (*đối với đường tỉnh, đường đô thị trùng với đường tỉnh*) hoặc về Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã (*đối với các đường huyện, đường đô thị, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn được phân cấp quản lý*) để tiếp tục có biện pháp giải quyết.

3. Cập nhật số liệu của công trình thiết yếu được xây dựng mới, công trình sửa chữa, cải tạo nâng cấp vào sơ đồ quản lý công trình thiết yếu của tuyến đường bộ được giao quản lý;

4. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, cập nhật thông tin bổ sung vào hồ sơ quản lý công trình của tuyến đường bộ được giao quản lý.

5. Cơ quan quản lý đường bộ căn cứ các quy định tại Quyết định này, tổ chức thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đường tỉnh, đường huyện, đường xã) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác

Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này đến các đơn vị liên quan trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh theo đúng Quy định này.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được nêu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời (qua Sở Giao thông vận tải), để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.